TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2018/LĐ- ST

Ngày: 24.8.2018

V/v: Tranh chấp Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Ngô Thị Kim Vinh

***-Thư ký phiên toà*:**

Bà Nguyễn Thị Thùy Liên-Thư ký Toà án nhân dân quận Đống Đa

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 01/2018/TLPT - LĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp *"Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 112/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thái N, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Phòng 3836, Tòa nhà CT11, khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, đường Nghiêm Xuân Yêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ trụ sở: số nhà 35, ngõ 4 phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Q D- Giám đốc công ty.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc Quang- Luật sư Văn phòng Luật sư Lô-Dơ-By. Địa chỉ: số 102 Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. (văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai của chị Phạm Thị Thái N thì nội dung vụ án như sau:***

Ngày 03/5/2017 Chị ký Hợp đồng thử việc với Công ty TNHH D (sau đây là gọi tắt là Công ty), thời hạn 02 tháng. Ngày 03/7/2017 chị ký Hợp đồng lao động với Công ty thời hạn hợp đồng là 24 tháng với mức lương 9.000.000 đồng/tháng. Sau khi ký Hợp đồng lao động chị vào làm việc tại Công ty và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ngày 31/5/2018 Công ty ra Quyết định số 01/2018 cho chị thôi việc và yêu cầu chị bàn giao lại công việc ngay trong ngày mà không đưa ra bất cứ lý do gì. Sau khi bàn giao công việc xong chị N đã gặp Giám đốc Công ty yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 5/2018 và trả lại bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học nhưng không được chấp nhận.

Ngày 05/6/2018 chị nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án. Sau khi chị nộp đơn khởi kiện thì được Công ty gọi đến nhận quyết định xử phạt. Do Công ty không báo rõ nên chị không đến. Công ty đã gửi quyết định về nhà nhưng chị không nhận nên không biết Công ty gửi cho chị tài liệu, giấy tờ gì.

Ngày 10/7/2018 tại Tòa án chị mới được Công ty cho biết quyết định Công ty gửi cho chị là quyết định thu hồi quyết định cho thôi việc và Công ty yêu cầu chị quay trở lại làm việc. Chị không đồng ý quay trở lại làm việc cho Công ty nữa.

Nay chị đề nghị Tòa án xác định Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật và yêu cầu Công ty thanh toán cho chị những khoản tiền sau:

1. Phải trả lương trong những ngày chị không được làm việc kể từ 01.6.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tháng 8/2018) là 9.000.000đồng x 3 tháng= 27.000.000đồng.

2. Bồi thường 2 tháng lương tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 9.000.000đồng x 2 = 18.000.000 đồng.

3. Trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương = 4.500.000đồng

4. Bồi thường tiền do vi phạm quy định về thời hạn báo trước bằng 01 tháng lương = 9.000.000đồng

5. Trả lương tháng 5/2018 Công ty chưa thanh toán.

6. Đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo đúng Hợp đồng lao động.

7. Trả lại bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học và bồi thường 13 tháng lương do giữ bằng gốc Đại học của chị là: 9.000.000 đồng x 13 tháng lương = 117.000.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu khởi kiện trên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**** Công ty TNHH D do người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:***

Công ty nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình ký Hợp đồng lao động, quá trình làm việc và chấm dứt Hợp đồng lao động. Công ty xác nhận có ban hành Quyết định số 01/2018 ngày 31/5/2018 cho chị N thôi việc. Tuy nhiên Công ty xác nhận đã ban hành quyết định này trái pháp luật nên ngày 15/6/2018 Công ty đã có Quyết định số 02/2018 thu hồi lại Quyết định số 01/2018 ngày 31/5/2018. Quyết định số 02/2018 này Công ty đã mời chị N đến nhận nhưng chị N không nhận. Công ty đã gửi cho chị N qua đường bưu điện chị N cũng không nhận. Nay Công ty đề nghị chị N tiếp tục quay trở lại làm việc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N Công ty không đồng ý vì Công ty đã rút lại quyết định và yêu cầu chị N đi làm nhưng chị N không đi làm nên chị N mới là người đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động.

Đối với yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng lao động của chị N , Công ty không đồng ý vì việc đóng bảo hiểm xã hội cho chị N hàng tháng chị N đều biết, chị N không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn- chị N đề nghị cùng với việc buộc Công ty thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc thì Công ty phải thanh toán 13 tháng lương mà không phải mức tối thiểu là 02 tháng lương theo quy định của khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động. Chị N cũng đề nghị Công ty thanh toán trợ cấp thôi việc bằng ¾ tháng lương là 6.750.000 đồng. Ngoài ra chị N cũng không có yêu cầu nào khác, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

* Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, riêng đối với việc truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của chị N thì nay Công ty đồng ý truy đóng theo mức lương 9.000.000đồng của chị N .

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- *Về nội dung:* Sau khi phân tích nội dung vụ án có quan điểm do Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với chị N nên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị N , cụ thể: Buộc Công ty thanh toán lương trong những ngày chị

N không được làm từ tháng 6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là tháng 8/2018 và 02 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động; 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước; phải truy đóng phải bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 và tiếp tục đóng đến thời điểm xét xử là tháng 8/2018 theo mức lương 9.000.000đồng của chị N ; trả lại lương tháng 5/2018 và bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học cho chị N . Bác yêu cầu của chị N về thanh toán trợ cấp thôi việc, bồi thường thiệt hại do giữ bằng đại học là 117.000.000.000đồng. Về án phí, chị N được miễn án phí lao động sơ thẩm, Công ty phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng:

- *Thẩm quyền giải quyết:* Chị Phạm Thị Thái N khởi kiện về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH D có trụ sở tại số nhà 35, ngõ 4 phố Ph□ơng Mai, ph□ờng Ph□ơng Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:* Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018, Hợp đồng lao động ngày 03/7/2017 và Quyết định số 01/2018 ngày 31/5/2018 về việc cho thôi việc thì nguyên đơn cho rằng bị đơn đã chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 201 và Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 xác định quan hệ tranh chấp là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Chị N làm việc tại Công ty ngày 03/7/2017 trên cơ sở Hợp đồng lao động xác định thời hạn là 24 tháng với mức lương 9.000.000đồng/tháng.

Ngày 31/5/2018 Công ty đã ban hành Quyết định số 01/2018 đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với chị N và yêu cầu chị bàn giao lại công việc. Chị N đã bàn giao công việc ngay trong ngày 31/5/2018. Kể từ ngày 01/6/2018 chị N không làm việc tại Công ty. Ngày 15/6/2018 Công ty đã ban hành Quyết định số 02/2018 có nội dung rút lại Quyết định số 01/2018. Quyết định này Công ty đã gửi cho chị N

nhưng chị N không nhận.

Tại Tòa án Công ty cho rằng chị N không đồng ý trở lại làm việc là đã tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động. Xét thấy việc chị N không đi làm là do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Việc Công ty rút lại quyết định cũng không làm thay đổi hậu quả pháp lý của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật. Chị N có quyền yêu cầu được tiếp tục làm việc hoặc không tiếp tục làm việc theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động về Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

" 1. Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động.

2. Trường hợp người lao động không muốn tiếp tục làm việc, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật này."

Việc chị N không đồng ý quay trở lại làm việc không phải là căn cứ để Công ty cho rằng chị N đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động. Căn cứ vào lời khai xác nhận của các đương sự có đủ cơ sở để xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật được quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động. Xác nhận Công ty đã rút lại quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với chị N . Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không quay trở lại làm việc tại Công ty. Tại phiên tòa, chị N cho rằng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động chỉ quy định mức tối thiểu là "*ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động"* do vậy chị yêu cầu Công ty thanh toán 13 tháng lương. Xét thấy, giữa chị N và Công ty không thỏa thuận được về mức thanh toán như chị N yêu cầu, hơn nữa chị N cũng không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu buộc Công ty thanh toán 13 tháng lương. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của chị N .

Đối với yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty thanh toán trợ cấp thôi việc. Xét thấy, theo Điều 48 Bộ luật lao động về trợ cấp thôi việc quy định:

"1. Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương.

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc."

Theo điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP quy định:

" b) Thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: Thời gian người sử dụng lao động đã đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian người sử dụng lao động đã chi trả cùng lúc với kỳ trả lương của người lao động một khoản tiền tương đương với mức đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật;"

Tại phiên tòa, chị N và đại diện Công ty xác nhận hàng tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho chị N . Do chị N đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại doanh nghiệp từ khi bắt đầu làm việc thì khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty không có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc cho chị N . Chị N sẽ được hưởng chế độ trợ cấp do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định pháp luật. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty thanh toán trợ cấp thôi việc theo Điều 48 Bộ luật Lao động.

Đối với yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo mức lương ghi trong Hợp đồng lao động. Phía Công ty cho rằng khi ký nhận Phiếu l□ơng hàng tháng chị Ngọc đều biết việc Công ty đóng bảo hiểm cho chị Ngọc với mức l□ơng cơ bản nh□ng chị Ngọc vẫn ký nhận, không có thắc mắc gì nên nay Công ty không đồng ý với yêu cầu này của chị N . Xét thấy, mức lương ghi trong Hợp đồng lao động của chị N là 9.000.000 đồng/tháng. Căn cứ quy định tại Điều 89 Luật bảo hiểm xã hội và Điều 17 Nghị định 115/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì:

"1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động."

Tại phiên tòa, đại diện Công ty đồng ý truy đóng theo mức lương 9.000.000đồng của chị N . Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị N và buộc Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N theo mức lương 9.000.000đồng/tháng ghi trong Hợp đồng lao động. Cụ thể, Công ty có trách nhiệm truy

đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 và tiếp tục đóng đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là tháng 8/2018. Công ty và chị N cùng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Đống Đa để thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Đối với yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty trả lại bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học, bồi thường thiệt hại do Công ty giữ Bằng tốt nghiệp Đại học của chị là 13 tháng lương = 117.000.000 đồng. Xét thấy, Điều 20 Bộ luật Lao động quy định về những hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động đó là *" 1. Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động"*. Vì vậy, cần buộc Công ty trả lại bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học cho chị N . Do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật nên Công ty phải thanh toán các quyền lợi của chị N đến tháng 8/2018, chị N cũng đã tự nguyện không quay trở lại làm việc tại Công ty. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N về việc bồi thường thiệt hại do Công ty giữ bản gốc Bằng Đại học.

Công ty phải bồi thường cho chị N theo qui định tại Điều 42 Bộ luật lao động, gồm những khoản sau:

1. Buộc Công ty TNHH D phải trả lương trong những ngày chị N không được làm việc kể từ 01.6.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tháng 8/2018) là 9.000.000đồng x 3 tháng= 27.000.000đồng.

2. Buộc Công ty TNHH D phải bồi thường 2 tháng lương tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 9.000.000đồng x 2 = 18.000.000đồng.

3. Buộc Công ty TNHH D phải bồi thường tiền do vi phạm quy định về thời hạn báo trước bằng 01 tháng lương = 9.000.000đồng.

4. Buộc Công ty TNHH D phải truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N theo mức lương 9.000.000 đồng/tháng ghi trong Hợp đồng lao động từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 và tiếp tục đóng đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là tháng 8/2018. Công ty và chị N cùng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Đống Đa để thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

5. Buộc Công ty TNHH D trả 9.000.000 đồng lương tháng 5/2018 và trả lại bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học cho chị N .

Tổng cộng Công ty TNHH D phải thanh toán cho chị Phạm Thị Thái N là

63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng chẵn)

6. Bác yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty TNHH D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc.

7. Bác yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty TNHH D bồi thường 13 tháng lương do giữ bản gốc Bằng đại học của chị là 117.000.000 đồng.

8. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thái N được miễn án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty TNHH D phải chịu 1.890.000đồng (Một triệu tám trăm chín mươi nghìn) án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điều 15, điều 20, điều 25, điều 38, điều 42, điều 48, điều 201, điều 202 Bộ luật lao động năm 2012.

- Điều 85, 86, 89 Luật bảo hiểm xã hội

- Căn cứ điều 147, điều 269, điều 271, điều 272, điều 273, điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Căn cứ Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Căn cứ điều 3, điểm a khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị Thái N.

1. Tuyên bố Quyết định số 01/2018 ngày 31/5/2018 của Công ty TNHH D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với chị Phạm Thị Thái N là trái pháp luật.

Xác nhận Công ty TNHH D đã rút lại quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với chị N .

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Thái N không yêu cầu Công ty TNHH D nhận trở lại làm việc.

2. Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán các khoản sau cho chị Phạm Thị Thái N:

2.1. Buộc Công ty TNHH D phải trả lương trong những ngày chị N không được làm việc kể từ 01.6.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tháng 8/2018) là 9.000.000đồng x 3 tháng= 27.000.000đồng.

2.2. Buộc Công ty TNHH D phải bồi thường 2 tháng lương tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 9.000.000đồng x 2 = 18.000.000đồng.

2.3. Buộc Công ty TNHH D phải bồi thường tiền do vi phạm quy định về thời hạn báo trước bằng 01 tháng lương = 9.000.000đồng.

2.4. Buộc Công ty TNHH D phải truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N theo mức lương 9.000.000 đồng/tháng ghi trong Hợp đồng lao động từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 và tiếp tục đóng đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là tháng 8/2018. Công ty và chị N cùng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Đống Đa để thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2.5. Buộc Công ty TNHH D trả 9.000.000 đồng lương tháng 5/2018 và trả lại bản gốc Bằng tốt nghiệp Đại học cho chị N .

Tổng cộng Công ty TNHH D phải thanh toán cho chị Phạm Thị Thái N là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng chẵn)

2.6. Bác yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty TNHH D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc.

2.7. Bác yêu cầu của chị N về việc buộc Công ty TNHH D bồi thường 13 tháng lương do giữ bản gốc Bằng đại học của chị là 117.000.000 đồng.

2.8. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Thái N được miễn án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty TNHH D phải chịu 1.890.000đồng (Một triệu tám trăm chín mươi nghìn) án phí lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2017 quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Việt Nga đã ký

Nơi nhận:
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.